

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề cương Đề án xây dựng điểm điển hình
giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Chương trình công tác năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 231/TTr-BDT ngày 27 tháng 5 năm 2016 (kèm theo văn bản tham gia của các sở, ban, ngành liên quan) đề nghị phê duyệt Đề cương Đề án xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương Đề án xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020.

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

III. TÊN ĐỀ ÁN: Đề án xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐỀ ÁN

1. Đối tượng: Người nghèo, hộ nghèo ở các xã được UBND các huyện nghèo lựa chọn làm điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Phạm vi: Đề án thực hiện trên địa bàn 07 xã, thuộc 07 huyện nghèo trên địa bàn tỉnh, gồm:

- Xã Tén Tằn, huyện Mường Lát;
- Xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa;

- Xã Tam Lư, huyện Quan Sơn;
- Xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước;
- Xã Trí Nang, huyện Lang Chánh;
- Xã Luận Thành, Huyện Thường Xuân;
- Xã Yên Lễ, huyện Như Xuân.

V. THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Giai đoạn 2016 - 2020.

Phần I

THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO CÁC ĐIỂM LẬP ĐỀ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

1. Điều kiện tự nhiên

- 1.1. Vị trí địa lý.
- 1.2. Địa hình.
- 1.3. Khí hậu, thủy văn.

2. Các nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên

- 2.1. Tài nguyên đất.
- 2.2. Tài nguyên nước.
- 2.3. Tài nguyên rừng.
- 2.4. Tài nguyên khoáng sản.

3. Nguồn nhân lực

- 3.1. Dân số và cơ cấu dân tộc.
- 3.2. Lao động và cơ cấu lao động theo ngành.
- 3.3. Chất lượng nguồn nhân lực.
 - Trình độ học vấn
 - Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ
 - Lao động được đào tạo nghề

4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và nguồn nhân lực

- 4.1. Thuận lợi
- 4.2. Khó khăn

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC ĐIỂM LẬP ĐỀ ÁN

1. Thực trạng phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế

- 1.1. Sản xuất nông - lâm nghiệp
- 1.2. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
- 1.3. Hoạt động dịch vụ - thương mại

2. Thực trạng phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội

- 2.1. Về giáo dục - đào tạo
- 2.2. Y tế, chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân
- 2.3. Văn hóa - thông tin

3. Thực trạng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- 3.1. Kết cấu hạ tầng kinh tế
 - a) Hệ thống đường giao thông
 - b) Hệ thống thủy lợi
 - c) Hệ thống điện
 - d) Hệ thống chợ nông thôn
 - đ) Công trình nước sạch và vệ sinh môi trường
- 3.2. Kết cấu hạ tầng xã hội
 - a) Hệ thống giáo dục
 - b) Hệ thống y tế
 - c) Công trình văn hóa - Thông tin
 - d) Hệ thống bưu chính, viễn thông

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO

1. Kết quả thực hiện các chính sách góp phần giảm nghèo

- 1.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập
 - Hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình 135, Nghị quyết 30a
 - Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất Chương trình 134
 - Vốn vay ưu đãi Ngân hàng Chính sách xã hội
- 1.2. Hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản
 - Hỗ trợ giáo dục, đào tạo
 - Hỗ trợ y tế
 - Hỗ trợ nhà ở
 - Hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường
 - Hỗ trợ tiếp cận thông tin

- Hỗ trợ khác: Hỗ trợ gạo cho hộ nghèo các bản tại các xã biên biên giới; hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm; hỗ trợ trực tiếp hộ nghèo vùng khó khăn, v.v...

2. Huy động vốn cho công tác giảm nghèo

Tổng vốn thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015. Trong đó:

2.1. Vốn ngân sách nhà nước (Vốn Chương trình quốc gia giảm nghèo bền vững của Trung ương và của tỉnh);

2.2. Vốn thực hiện chính sách giảm nghèo chung (Giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ trực tiếp cho người dân.....);

2.3. Vốn huy động từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình 134, Chương trình 167, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền Tây, Chương trình xây dựng nông thôn mới....);

2.4. Vốn tín dụng ưu đãi;

2.5. Vốn huy động từ các doanh nghiệp;

2.6. Quỹ vì người nghèo;

2.7. Đóng góp của người dân.

3. Thực trạng nghèo các điểm lập Đề án

3.1. Tình hình nghèo chung

- Kết quả giảm nghèo hàng năm giai đoạn 2011 - 2015

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo từng xã theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2015 (Điều tra theo Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020).

3.2. Tình hình nghèo theo từng dân tộc

3.3. Hộ nghèo theo các tiêu chí

- Hộ nghèo vừa thiếu hụt thu nhập, vừa thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Hộ nghèo thiếu hụt về thu nhập, nhưng không thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Hộ nghèo không thiếu hụt thu nhập (có thu nhập trên chuẩn nghèo), nhưng thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản.

3.4. Hộ nghèo theo các tiêu chí đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

- Hộ nghèo không có hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh;

- Hộ nghèo đang ở nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ;
- Hộ nghèo có diện tích nhà ở bình quân đầu người dưới 8m²/người;
- Hộ nghèo không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh, v.v..

3.5. Nguyên nhân nghèo

a) Nguyên nhân khách quan

- Do thiếu vốn sản xuất;
- Thiếu đất canh tác;
- Thiếu lao động;
- Không biết cách làm ăn; không có tay nghề, v.v....

b) Nguyên nhân chủ quan

- Về cơ chế, chính sách
- Về chỉ đạo, điều hành, quản lý thực hiện
- Nguyên nhân thuộc về bản thân người nghèo, hộ nghèo.

Đánh giá chung về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và công tác giảm nghèo các điểm lập Đề án

Kết quả đạt được

Các tồn tại, hạn chế

Phần II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CÁC ĐIỂM ĐIỂN HÌNH GIẢM NGHÈO NHANH VÀ BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung
2. Mục tiêu cụ thể

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập

- 1.1. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp.
- 1.2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
- 1.3. Phát triển thương mại, dịch vụ

2. Xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững

- 2.1. Đường giao thông.
- 2.2. Công trình điện nông thôn.

2.3. Thủy lợi.

2.4. Nước sạch và vệ sinh môi trường.

2.5. Trường học, lớp học, nhà ở giáo viên.

2.6. Trạm y tế.

2.7. Nhà văn hóa, công trình thể thao, trạm tuyến thanh, v.v.....

3. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

3.1. Giáo dục, đào tạo

3.2. Y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

3.3. Nhà ở dân cư

3.4. Nước sạch và vệ sinh môi trường

3.5. Văn hóa - Thông tin

4. Hỗ trợ giải quyết các nguyên nhân nghèo

4.1. Thiếu vốn sản xuất

4.2. Thiếu đất canh tác

4.3. Thiếu phương tiện sản xuất

4.4. Thiếu việc làm

4.5. Không biết cách làm ăn; không có tay nghề, v.v....

III. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư

2. Nguồn vốn đầu tư

- Ngân sách nhà nước

- Vốn các tổ chức, doanh nghiệp

- Vốn của nhân dân

3. Phân kỳ vốn đầu tư các năm 2016 - 2020

IV. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

2. Hiệu quả xã hội

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Giải pháp về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các huyện, xã.

2. Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, khơi dậy ý thức vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo.

3. Giải pháp về huy động vốn và lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách.

4. Giải pháp về phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể
5. Giải pháp về phân công đỡ đầu các xã, thôn bản, hộ nghèo, hộ cận nghèo
6. Giải pháp từ thực tế chỉ đạo, nghiên cứu xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại 7 điểm (nếu có).

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công trách nhiệm

1. Các Sở, ban, ngành.
2. UBND các huyện có Đề án.
3. UBND các xã xây dựng điểm điển hình giảm nghèo.

Phần IV

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Kiến nghị

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động, Thương binh và Xã hội; Nội vụ; Xây dựng; Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Công thương; Cục Thống kê Thanh Hóa; UBND 7 huyện nghèo thuộc chương trình 30a và các đơn vị có liên quan xây dựng Đề án.

- Chủ trì, lập dự toán kinh phí xây dựng Đề án, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổng hợp ý kiến đóng góp của các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động, Thương binh và Xã hội; Nội vụ; Xây dựng; Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Công thương; Ban Dân vận Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; UBND 7 huyện nghèo thuộc chương trình 30a và các đơn vị có liên quan xây dựng Đề án; trình Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý IV, năm 2016.

2. Sở Tài chính

Thẩm định dự toán kinh phí xây dựng Đề án do Ban Dân tộc lập, tham mưu đề xuất kinh phí lập Đề án trong nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế Ngân sách tỉnh dành cho xây dựng các đề án, dự án quy hoạch, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

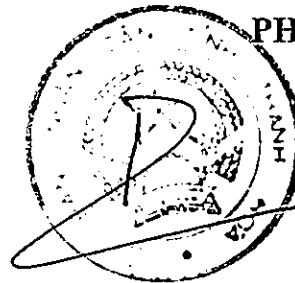
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động, Thương binh và Xã hội; Nội vụ; Xây dựng; Tư pháp; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Công thương; Cục Thống kê Thanh Hóa; UBND 7 huyện nghèo thuộc chương trình 30a; các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
 - Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
 - PCVP UBND tỉnh Mai Xuân Bình;
 - Lưu: VT, VX.
- DTMN/2016/Ngọc.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền